

Phụ lục 1

KẾT QUẢ THỰC HIỆN VAY VÀ TRẢ NỢ CỦA CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2020

(Kèm theo Thông báo số /TB-STC ngày tháng năm 2021 của Sở Tài chính Bình Định)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Dư nợ đầu năm (ngày 01/01)	Vay trong năm	Trả nợ trong năm 2020			Dư nợ cuối năm (ngày 31/12)
				Gốc	Lãi/phí	Tổng	
A	B	1	2	3	4	5=3+4	6=1+2-3
	Tổng cộng	342.087	102.294	13.302	1.378	14.680	431.079
I	Tạm ứng ngân quỹ nhà nước (*)	133.500			3	3	133.500
II	Vay các tổ chức tài chính, tín dụng	0	0	0	0	0	0
III	Vay lại vốn vay nước ngoài	208.587	102.294	13.302	1.375	14.677	297.579
1	Dự án Vệ sinh môi trường các thành phố duyên hải	11.490		1.149		1.149	10.341
2	Dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8)	19.566	26.492		604	604	46.058
3	Dự án Xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (LRAMP)	24.740	28.301		771	771	53.041
4	Dự án Môi trường bền vững các thành phố duyên hải - Tiểu dự án thành phố Quy Nhơn	33.734	47.501			0	81.235
5	Dự án Năng lượng nông thôn II (REII) (**)	119.057		12.153		12.153	106.904

Ghi chú:

* Bao gồm khoản tạm ứng tồn ngân KBNN 133,5 tỷ đồng của dự án đường ven biển Nhơn Hội - Tam Quan đã được Bộ Tài chính khoanh nợ và không thu phí tạm ứng tại Công văn số 12138/BTC-KBNN ngày 12/9/2011

** Dự án Năng lượng nông thôn II (REII) vay lại vốn vay nước ngoài của Chính phủ thông qua Ngân hàng Phát triển Việt Nam được trả nợ bằng nguồn vốn khấu hao tài sản hình thành từ vốn vay.

Phụ lục 2
KẾ HOẠCH VAY VÀ TRẢ NỢ CỦA CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2022
(Kèm theo Thông báo số /TB-STC ngày tháng năm 2021 của Sở Tài chính Bình Định)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2021
A	MỨC DƯ NỢ VAY TỐI ĐA CỦA NSDP THEO LUẬT NSNN	2.865.800
B	BỘI CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	194.000
C	KẾ HOẠCH VAY, TRẢ NỢ GỐC	
I	Tổng dư nợ đầu năm	342.607
	<i>Tỷ lệ mức dư nợ đầu kỳ so với mức dư nợ vay tối đa của ngân sách địa phương (%)</i>	12,0%
1	Trái phiếu chính quyền địa phương	
2	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước	342.607
3	Vay trong nước khác theo quy định của pháp luật	
II	Trả nợ gốc vay trong năm (*)	43.852
1	Nợ gốc phải trả phân theo nguồn vay	43.852
-	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước	43.852
-	Vay trong nước khác theo quy định của pháp luật	
2	Nguồn trả nợ	43.852
-	Bội thu ngân sách địa phương	31.700
-	Khấu hao tài sản hình thành từ vốn vay	12.152
III	Tổng mức vay trong năm	194.000
1	Theo mục đích vay	194.000
-	Vay bù đắp bội chi	162.300
-	Vay trả nợ gốc	31.700
2	Theo nguồn vay	194.000
-	Trái phiếu chính quyền địa phương	
-	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước	194.000
-	Vay trong nước khác theo quy định của pháp luật	
IV	Tổng dư nợ cuối năm	492.755
	<i>Tỷ lệ mức dư nợ cuối kỳ so với mức dư nợ vay tối đa của ngân sách địa phương (%)</i>	17,2%
1	Trái phiếu chính quyền địa phương	
2	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước	492.755
3	Vay trong nước khác theo quy định của pháp luật	
D	TRẢ NỢ LÃI, PHÍ	7.138

Ghi chú:

(*): Bao gồm hoàn trả gốc vay 04 dự án (Vệ sinh môi trường các thành phố duyên hải; Dự án môi trường bền vững các thành phố duyên hải - Tiểu Dự án TP Quy Nhơn; Xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương; Dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập) 31.700 triệu đồng từ nguồn bội thu ngân sách địa phương và trả nợ gốc vay Dự án Năng lượng nông thôn II là 12.152 triệu đồng từ nguồn khấu hao tài sản hình thành từ vốn vay.